

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC B KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23A/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2025
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Hồ Quang Thành

. Ông Phạm Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực B - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 73/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 10/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - Khánh Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Tổ 7, khu phố Phước H, phường Gò D, tỉnh Tây Ninh.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Thanh L - sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Thôn Trung D 2, xã Vạn T, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2025 (gửi đến Tòa án ngày 07/3/2025), các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông Võ Thanh L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2024 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, cấp ngày 29/02/2024.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã. Hiện nay vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Thanh L.

- Về con chung: Giữa vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Võ Thanh L đến Tòa để trình bày ý kiến về việc bà N khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông L đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của ông L, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B – Khánh Hoà phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh L - hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Trung Đông 2, xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh (nay là xã Vạn Thắng), tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực B - Khánh Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Thanh L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2024, được Ủy ban nhân dân phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, ngày 29/02/2024. Hôn nhân của bà N và ông L đã được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, Bà N xác nhận tình cảm của vợ chồng không còn và yêu cầu xin được ly hôn.

Căn cứ lời khai của bà N, biên bản xác minh thì vợ chồng bà N, ông L hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng ông L đều không có mặt, chứng tỏ ông L không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa bà N và ông L theo bà N trình bày là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng thường xảy ra xích mích, cãi vã. Vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà N.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định giữa vợ chồng không có con chung nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định giữa vợ chồng không có nợ chung nên không xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Thanh L.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Thanh L không có con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định giữa hai người không có nợ chung.

5/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0007454** ngày 31

tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo của các đương sự là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- UBND xã Vạn Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

Võ Thị Hoà Thanh